

PHƯƠNG PHÁP PHÊ BÌNH THƠ CỦA PHAN HUY CHÚ (The method of criticism of Phan Huy Chú)

TS. LÊ ĐẮC TƯỜNG

(Bài viết đã được đăng trên Tạp chí Đại học Sài Gòn số chuyên đề Bình luận Văn học niên san 2017)

Khi nói về Phan Huy Chú, chúng ta chỉ thường chú ý đến ông như một học giả, một sử gia hàng đầu của nước ta ở nửa đầu thế kỷ XIX. Trên thực tế, với *Văn tịch chí* trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, cùng các tập thơ *Hoa thiều ngâm lục*, *Hoa thiều tục ngâm*, *Nam trình tạp ngâm*, Phan Huy Chú còn là nhà thơ, nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Trong giới hạn, bài viết chỉ tìm hiểu phương pháp phê bình thơ ở phần *Thi văn* thuộc mục *Văn tịch chí* trong bách khoa toàn thư *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú.

Khác với *Nghệ văn chí* của Lê Quý Đôn, *Văn tịch chí* của Phan Huy Chú không đơn thuần là cuốn sách ghi chép danh mục tác phẩm của tác giả văn học trung đại Việt Nam. Bên cạnh như một mục lục sách, *Văn tịch chí*, còn giới thiệu tóm tắt nội dung tác phẩm kèm trích dẫn hoặc nhận xét, đánh giá, mang lại cho người đọc những thông tin cần thiết về từng tác phẩm. *Văn tịch chí* được Phan Huy Chú chia thành bốn loại, gồm: *Hiến chương*, *Kinh sử*, *Thi văn* và *Truyện ký*. Trong *Văn tịch chí*, phần *Thi văn* có một giá trị đặc biệt về nhiều mặt, trong đó có lĩnh vực văn học sử và phê bình văn học.

“*Xếp làm loại thi văn, tên sách được 106 bộ*”¹, *Thi văn* là một thư mục khá đầy đủ về những tác phẩm thơ văn thời trung đại. Đồng thời, ở đó, Nguyễn Huy Chú đã trích dẫn những câu thơ, bài thơ là tinh hoa của nền văn học trung đại Việt Nam mà trước đó không có trong sách vở. Không những thế, ông còn có những bình luận, đánh giá tinh tường, sâu sắc, tạo nên thương hiệu phê bình thơ của Phan Huy Chú.

Khảo sát phần *Thi văn*, chúng tôi thấy Phan Huy Chú đã giới thiệu 106 bộ sách, trích dẫn những câu thơ, bài thơ, tập thơ, văn, ký, tựa, khái của 78 tác giả. Trong những tác phẩm được trích dẫn, thể loại thơ chiếm đa số, chỉ có 02 thể loại ký, 5 thể loại văn và 12 bài tựa. Riêng thể loại thơ, Phan Huy Chú đã nêu tên tập thơ của 12 tác giả và 47 tác giả được trích câu thơ, bài thơ với 50 lời bình.

Trong di sản văn học trung đại Việt Nam, với những lời bình về thơ trong *Thi văn*, Phan Huy Chú đã trở thành nhà phê bình văn học tài năng mà trước và sau ông không thể tìm thấy. Với 50 lời bình về các tập thơ, bài thơ, Phan Huy Chú đã tạo ra lối phê bình thơ độc đáo, rất có giá trị. Sau đây là những nét khái quát về phương pháp phê bình thơ của Phan Huy Chú.

1. Phê bình “ý tượng”

Phê bình “ý tượng”, phê bình “*dĩ ý nghịch chí*” và phê bình “*suy tố nguyên lưu*” là ba phương pháp phê bình cơ bản trong văn học cổ Trung Quốc. Nếu như phương pháp phê bình “*dĩ ý nghịch chí*” chú trọng tính bên ngoài của tác phẩm, tức là chú ý đến mối quan hệ giữa tác giả và xã hội; phương pháp phê bình “*suy tố nguyên lưu*” chú ý khảo sát mối quan hệ nguồn gốc, ảnh hưởng giữa tác giả với tác giả, tác phẩm với tác phẩm; thì phương pháp phê bình “ý

tượng” chú trọng đến bản thân tác phẩm, đến cấu trúc nội tại của tác phẩm. Về mặt tư tưởng, phê bình “*dĩ ý nghịch chí*” và phê bình “*suy tố nguyên lưu*” là hai phương pháp phê bình chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo; phê bình “*y tượng*” là phương pháp phê bình chịu ảnh hưởng của tư tưởng Thiên-Lão.

Phê bình “*y tượng*” là phương pháp phê bình chủ yếu nhìn tác phẩm từ góc độ chỉnh thể, không chú ý, không xoáy sâu vào việc tìm “thác ý” nơi câu chữ, mà chỉ chú trọng “*nắm bắt được cái thần tình ngoài câu chữ trong khoảnh khắc siêu thoát, diệu ngộ, thả hồn cùng tác phẩm, sau đó đem cái thần tình ấy gợi ý cho người đọc*”². Vì vậy, đây là phương pháp phê bình theo lối “vô ngôn”, tức là không nói, hoặc có nói thì nói rất ít, chỉ vài ba câu gợi mở, chủ yếu để người đọc tự khám phá, thể nghiệm.

Qua 50 lời bình của Phan Huy Chú trong *Thi văn*, chúng tôi nhận thấy ông chủ yếu sử dụng lối phê bình “*y tượng*”. Điều đó thể hiện qua các dấu hiệu sau đây:

Khi bình, Phan Huy Chú chỉ chú trọng việc nắm bắt được tinh thần, cũng như tính chỉnh thể của tác phẩm, không đem tinh thần, chỉnh thể ấy phân tích chi tiết. Trong 50 lời bình của ông có đến 46 lời bình cho tập thơ, chỉ có 4 lời bình cho bài thơ. Dù là bình cho bài thơ hay tập thơ, Phan Huy Chú đều nói lên cảm nhận chung, cái tinh thần chung của bài thơ, tập thơ mà không phân tích tỉ mỉ như kiểu phương Tây. Chẳng hạn: Bình về *Trần Thái Tông ngự tập* của Trần Thái Tông, ông chỉ nói vài ba chữ: “*Lời thanh nhã đáng đọc*”. Khi bình về *Thủy Vân tùy bút* của Trần Anh Tông, ông nói rất ngắn gọn: “*Bài nào cũng là thanh tân và có lực lượng*”. Hay khi nhận xét về *Ngọc tiên tập* của Huyền Quang, Phan Huy Chú chỉ viết một câu: “*Văn thơ bay bướm phóng khoáng*”,...

Cái tinh thần chung, cái chỉnh thể của thơ còn được Phan Huy Chú sử dụng từ ngữ khi bình. Ông thường dùng từ rất khái quát như: “lời thơ”, “ý thơ”, “đại để” để nhận xét về bài thơ, tập thơ. Khi bình về *Bạch Vân am tập* của Nguyễn Bình Khiêm, ông nói một cách rất khái quát: “*Đại để là thanh tao, tiêu sái, hồn hậu, phong nhã, có ý thú tự nhiên*” và khi bình về *Phùng công thi tập* của Phùng Khắc Khoan cũng thế: “*Đại để lời thơ trong trẻo dồi dào, khí cách hùng hồn tao nhã*”,...

Như đã nói, phê bình “*y tượng*” là phương pháp phê bình chịu ảnh hưởng của tư tưởng Thiên-Lão. Thiên-Lão là một khái niệm mà nội hàm ẩn chứa cả tư tưởng Thiên tông và Lão Trang xét trên bình diện những điểm tương đồng vi diệu của hai tư tưởng này. Từ góc độ mỹ học, trong quá trình tịnh hành, hòa hợp Thiên-Lão đã tạo ra những phạm trù mỹ học độc đáo và có sức ảnh hưởng sâu rộng, tiêu biểu như: Tự nhiên, Hu tĩnh, Tiêu dao, Bình đạm, Vô ngôn. Trong *Thi văn*, hầu hết các lời bình của Phan Huy Chú đều có dấu ấn của tư tưởng Thiên-Lão và được thể hiện qua các phạm trù Tự nhiên, Tiêu dao, Vô ngôn.

- Quan niệm Tự nhiên trong phê bình thơ của Phan Huy Chú:

Tự nhiên là phạm trù bản thể luận của tư tưởng Lão Trang. Khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, kết hợp với Lão Trang hình thành Thiên tông Trung Quốc. Vì thế, tư tưởng Thiên tông cũng có quan niệm Tự nhiên gần giống như Lão Trang. Tự nhiên theo quan niệm của Thiên-Lão chính là “vô vi” và “vô

tâm”. Tức là hốt nhiên làm, không cần cố gắng, không miễn cưỡng, không cầu nệ, là làm mà không cần để ý việc mình làm. Đó là hành động đến mức hoàn thiện. Từ quan niệm về Tự nhiên của Lão Trang và Thiền tông, có thể thấy ở cấp độ mỹ học, tư tưởng Thiên-Lão là tư tưởng sùng thượng Tự nhiên. Đó là vẻ đẹp của Tự nhiên, tức Đạo, đó là vẻ đẹp của hành động “vô vi”, của quy luật Tự nhiên. Lý tưởng sùng chuộng Tự nhiên của Thiên-Lão có ảnh hưởng rất lớn đối với nghệ thuật Trung Quốc, trong đó có quan niệm về văn học. Trong lịch sử lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc, từ thời Ngụy Tấn - Nam Bắc triều đến thời Minh - Thanh đều có dấu ấn của Tự nhiên.

Trong lý luận, phê bình văn học cổ điển Việt Nam, sùng thượng Tự nhiên là một trong những khuynh hướng tư tưởng nổi bật. Khuynh hướng này khởi phát trong thời Lý - Trần và phát triển ngày càng sâu rộng, đặc biệt là từ thế kỷ XVIII. Tự nhiên trong quan niệm của các tác giả thời Lý - Trần biểu hiện chủ yếu qua sáng tác với những mệnh đề: Tự nhiên - bản thể; Tự nhiên - đạt Đạo; Tự nhiên - vô vi; Tự nhiên - an nhiên, tự tại; Tự nhiên - tùy duyên; Tự nhiên - con người hợp nhất. Đồng thời, Tự nhiên còn biểu hiện qua quan niệm tùy duyên trong sáng tác văn chương, Tự nhiên là nơi để tu dưỡng tâm tính, là cội nguồn của văn chương. Sau thời Lý - Trần, đặc biệt đến đầu thế kỷ XVIII, sùng thượng Tự nhiên được các tác giả tự ý thức, thể hiện qua những lời phát biểu trực tiếp trên các phương diện của Tự nhiên: Văn chương - Tự nhiên - Đạo, Văn chương - Tự nhiên không gọt giũa.

Nét nổi bật trong phê bình của Phan Huy Chú là sự đề cao Tự nhiên. Trong 50 lời bình của Phan Huy Chú có đến chín lời bình liên quan đến Tự nhiên. Cụ thể có hai lời bình trực tiếp đến Tự nhiên, đó là khi bình về thơ của Chu An: “*Lời thơ nhàn nhã, tự nhiên, có thể tưởng thấy ý thú thanh cao của người ở ẩn*” (bình bài *Tạp hứng*) và thơ Nguyễn Bình Khiêm: “*Đại để là thanh tao, tiêu sái, hồn hậu, phong nhã, có ý thú tự nhiên*” (bình về *Bạch Vân am tập*). Bốn lời bình thể hiện Tự nhiên ở khía cạnh thanh đạm, giản dị, đó là khi bình về *Cúc Đường di thảo* của Trần Quang Triều: “*... chỉ còn được mấy bài, đều là thanh thoát đáng ưa*”, *Chuyết Am văn tập* của Lý Tử Tấn: “*Thơ chuộng giản dị, phần nhiều có ý thơ cổ*”, *Châu Khê thi tập* của Nguyễn Bảo: “*Lời thơ giản dị, trọng hậu, có khí cốt*” và *Tiết Trai tập* của Lê Thiêu Dĩnh: “*Thơ chuộng giản dị, cổ kính, đáng ưa*”. Ba lời bình thể hiện Tự nhiên ở góc độ lời thơ không gọt giũa, tự nhiên thành. Bao gồm *Ức Trai thi tập* của Nguyễn Trãi: “*Lời thơ đều ôn nhã trung hậu, là danh gia ở thời Lê sơ. Lời đặt chỉ cần khí phách, không cần chải chuốt*”; *Quế Đường thi tập* và *Quế Đường văn tập* của Lê Quý Đôn: “*hạ bút thành văn. Cách thơ đều trong sáng. Lời văn thì hồn nhiên như thiên thành, không cần suy nghĩ, mà trôi chảy dồi dào như sông dài bể rộng, không chỗ nào là không đạt đến*”; *Anh ngôn thi tập* và *Ngộ Phong văn tập* của Ngô Thì Sĩ: “*Cách điệu thơ bắt chước Bạch Cư Dị, đại để giản dị, chắc phác, chân thật. Đến khi tuổi già thơ lại càng bình dị*”.

Quan niệm Tự nhiên trong phê bình thơ của Phan Huy Chú vừa thể hiện quan niệm “*Dĩ tự nhiên chi vi mỹ*” (Phải coi tự nhiên là đẹp) của lý luận văn học

cơ Trung Quốc, vừa thể hiện quan niệm Tự nhiên ở cấp độ Đạo và quan niệm Tự nhiên - không gọt giũa của trong lý luận văn học trung đại Việt Nam.

- Quan niệm Tiêu dao trong phê bình thơ của Phan Huy Chú

Ngoài phạm trù Tự nhiên, phạm trù Tiêu dao cũng được chú trọng trong phê bình thơ của Phan Huy Chú. Tiêu dao ban đầu là quan niệm của Lão Trang, sau đó là của Thiền tông. Tiêu dao vừa mang quan niệm vô vi của triết học Lão Trang, vừa bao hàm tư tưởng giải thoát của Phật giáo Thiền tông. Tiêu dao không chỉ là quan niệm quan trọng trong tư tưởng Thiên-Lão, mà đã trở thành một khuynh hướng nghệ thuật trong văn học cổ Trung Quốc. Quan niệm Tiêu dao trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc xuất hiện từ rất sớm, ngay từ thời Ngụy Tấn và kéo dài đến tận thời Minh, Thanh. Tiêu biểu như: Lục Cơ, Lưu Hiệp, Lý Bạch, Thích Hiệu Nhiên, Tư Không Đồ, Tô Đông Pha, Nghiêm Vũ, Âu Dương Tu, Viên Mai. Trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc, Tiêu dao không chỉ là yếu tố thẩm mỹ, theo thời gian, Tiêu dao trở thành lý tưởng, phong cách nghệ thuật với sức ảnh hưởng không chỉ ở Trung Quốc mà còn ở các nước thuộc khu vực chữ Hán, trong đó có Việt Nam.

Quan niệm Tiêu dao của các tác giả thời trung đại Việt Nam biểu hiện ở sự vượt ra khỏi những giới hạn tầm thường, sống tự tại, tùy duyên, không vướng mắc vào thứ gì, Tiêu dao gắn với “nhàn”, Tiêu dao là vượt qua những vướng bận về danh lợi. Tiêu biểu là quan niệm của Tịnh Không, Quảng Nghiêm, Tuệ Trung, Huyền Quang, Chu Văn An, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm Lý Tử Tấn, Ngô Thì Úc, Nhữ Bá Sĩ, Ngô Thì Hoàng, Cao Bá Quát, Miên Trinh,...

Trong phê bình thơ của Phan Huy Chú có đến mười lời bình ông đề cập đến các yếu tố liên quan đến quan niệm Tiêu dao, chủ yếu là Tiêu dao gắn với sự phóng khoáng, tiêu sái, nhàn. Sau đây là những lời bình tiêu biểu.

Tiêu dao gắn với phong cách phóng khoáng, mạnh mẽ là quan niệm trong những lời bình về Trần Nhân Tông: “*Bài nào cũng phóng khoáng thanh nhã*” (bình về *Trần Nhân Tông thi tập*), Trần Minh Tông: “*Lời thơ hùng hồn mạnh mẽ và phóng khoáng, không kém gì đời Thịnh Đường*” (bình bài thơ *Bạch Đằng giang*), Nguyễn Trung Ngạn: “*Bài nào lời thơ cũng mạnh mẽ, phóng khoáng khác thường*” (bình *Giới Hiên thi tập*), Phạm Sư Mạnh: “*Tình thơ cao siêu, hào phóng*” (bình *Hiệp Thạch tập*), Huyền Quang: “*Văn thơ bay bướm phóng khoáng*” (bình *Ngọc tiên tập*), Lê Thánh Tông: “*Bài nào cũng có khí khái mạnh mẽ, lời ý bay bướm*”,... “*Lời phóng khoáng, câu xinh đẹp, so với tác phẩm của các đế vương từ xưa chưa ai có thể theo kịp*” (bình *Xuân vân thi tập*), Ngô Thì Úc: “*Hưng thú phóng khoáng của ông có phong thái cao thường*” (bình *Tuyết Trai thi tập*), Đoàn Nguyễn Thục: “*Lời thơ phong nhã, rèn luyện, thanh tao, phóng khoáng*” (bình *Đoàn hoàng giáp phụng sứ tập*).

Tiêu dao gắn với nhàn là quan niệm khi Phan Huy Chú bình về thơ của Chu An: “*Lời thơ rất trong sáng u nhàn*” và thơ của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ *Ngụ ý*: “*Lời và ý đều nhẹ nhàng nhàn nhã, có thể thấy được chí không thích làm quan*”.

Khi bình thơ, Phan Huy Chú rất chú trọng Tiêu dao, xem Tiêu dao như một phong cách nghệ thuật gắn với sự phóng khoáng, vượt khỏi những giới hạn tầm thường.

- Quan niệm Vô ngôn trong phê bình thơ của Phan Huy Chú

Lão Trang và Thiên tông thống nhất quan niệm về ngôn ngữ. Cả hai đều coi trọng cái “ngoài” ngôn ngữ, cái “sau” ngôn ngữ. Vì ngôn ngữ chỉ là phương tiện, không thể biểu đạt được hết và không thể đưa con người đến được với Đạo với chân lý giác ngộ. Chính vì thế Thiên-Lão coi trọng Vô ngôn. Vô ngôn được hiểu là không lời, không nói, không văn tự. Tuy nhiên, Vô ngôn không đơn giản như thế, bởi trong đó hàm ẩn rất nhiều ý nghĩa tinh tế, uyên áo được rút ra từ quan niệm “*Bất ngôn chi giáo*” của Lão Tử, “*Đắc ý vong ngôn*” của Trang Tử và quan niệm “*Bất lập văn tự*” của Thiên tông.

Nghệ thuật phương Đông nói chung và văn chương nói riêng thường chú trọng cái ở ngoài lời, vừa giàu tính liên tưởng, vừa hàm chứa nhiều tầng nghĩa vừa khơi gợi trí tưởng tượng, sự khám phá nơi người đọc. Trung Quốc là trung tâm của nghệ thuật phương Đông, từ ảnh hưởng của Thiên-Lão, quan niệm Vô ngôn trong văn học cổ nói chung và trong lý luận, phê bình văn học nói riêng rất được quan tâm. Ngay từ thời Ngụy Tấn, thời kỳ được xem là giai đoạn khởi phát và hình thành nền lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc, quan niệm Vô ngôn đã được Lục Cơ đề cập. Và từ đó, quan niệm này dần trở thành tiêu chuẩn nghệ thuật cơ bản vào đời Đường, đời Tống và kéo dài cho đến đời Thanh. Trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc, Vô ngôn không chỉ là yếu tố thẩm mỹ mà theo thời gian, Vô ngôn đã trở thành lý tưởng thẩm mỹ, phong cách nghệ thuật và trở thành nét truyền thống trong văn học cổ Trung Quốc.

Trong lý luận, phê bình văn học trung đại Việt Nam, các tác giả thời Lý - Trần, quan niệm Vô ngôn tuy thể hiện gián tiếp qua tác phẩm, nhưng lại trực tiếp nói về quan niệm Vô ngôn trong triết lý Thiên tông và trong thơ. Vô ngôn là Thiên là phương thức giao tiếp, truyền tin “*dĩ tâm truyền tâm*” trong Thiên. Vô ngôn trong thơ cũng mang tính Thiên, và đó còn là sự hữu hạn của ngôn ngữ, là những khoảng trống đầy gợi mở, là không nói nhưng lại nói lên nhiều điều. Các tác giả thời Lê - Nguyễn phát biểu trực tiếp về quan niệm ngôn ngữ trong văn chương, Vô ngôn lại được gián tiếp thể hiện qua “*Ý tại ngôn ngoại*”, “*Ngôn bất tận ý*”, tính hàm súc và dư vị. Vô ngôn đã tạo cho thế giới ngôn ngữ văn chương trở nên bí ẩn, đầy màu sắc, nhiều tầng nghĩa, đạt đến thần diệu. Vô ngôn trong lý luận, phê bình văn học cổ điển Việt Nam không đơn thuần là một yếu tố thẩm mỹ mà đã được nâng lên thành lý tưởng thẩm mỹ. Vô ngôn trở thành một nét truyền thống độc đáo, để lại dấu ấn sâu đậm trong văn học cổ điển Việt Nam.

Quan niệm Vô ngôn trong phê bình thơ của Phan Huy Chú thể hiện trên hai phương diện. Thứ nhất, đó là sự kiệm lời, chỉ gợi mở hay đó là sự “*bất lực của ngôn ngữ*” trong phê bình. Đây là đặc trưng của lối phê bình “*ý tượng*”. 50 lời bình của Phan Huy Chú đều hết sức ngắn gọn, mang tính gợi mở, chỉ nói đến cái thần tình của tập thơ, bài thơ để người đọc tự suy ngẫm, trong đó có đến 48 lời bình chỉ vắn vẹn một câu, hai lời bình còn lại có tới ba là hai câu, đó là lời

bình về *Quế Đường thi tập* và *Quế Đường văn tập* của Lê Quý Đôn và *Anh ngôn thi tập* và *Ngọ Phong văn tập* của Ngô Thì Sĩ. Thứ hai, khi bình thơ, bản thân Phan Huy Chú cũng không ít lần khẳng định sự “bất khả thuyết” và quan niệm “*ý tại ngôn ngoại*”. Nhận xét về *Ức Trai thi tập* của Nguyễn Trãi, Phan Huy Chú nói: “*Tình tứ thâm thía, đủ là tay giỏi, không thể đem từng chữ từng câu ra bàn được*”. Bình về *Tiết Trai tập* của Lê Thiếu Dĩnh, ông cho rằng: “*Lời và ý sâu xa, rất có ý thú ở ngoài lời*”. Hay nói về *Việt giám vịnh sử thi* của Đặng Minh Khiêm, ông viết: “*Đầu sách có phạm lệ 13 điều; những chỗ khen, chê, bỏ, lấy, đều có ý sâu xa, đáng gọi là danh bút*”.

Phê bình “*ý tượng*” là phương pháp phê bình quan trọng trong lịch sử phê bình văn học cổ Trung Quốc. Ở Việt Nam, phương pháp phê bình này đã được các tác giả văn học trung đại đề tâm sử dụng trong các bài bạt, bình, tựa,..., nhưng chỉ mang tính đơn lẻ. Có lẽ chỉ duy nhất Phan Huy Chú là người đầu tiên đưa phương pháp phê bình “*ý tượng*” trở thành một phương pháp phê bình theo đúng nghĩa của nó. Từ việc nắm cái thần tình trong khoảnh khắc diệu ngộ, Phan Huy Chú, chỉ năm ba chữ ngắn gọn, đã đúc kết được những nét đặc trưng riêng của từng nhà thơ và đã gợi cho người đọc tự mình khám phá những cái hay, cái đẹp trong thế giới thơ.

2. Phê bình “*dĩ ý nghịch chí*”

Đây là phương pháp phê bình xuất hiện rất sớm, có vai trò hết sức quan trọng trong lý luận, phê bình văn học Trung Quốc. Việc hiểu chính xác nội dung phương pháp phê bình “*dĩ ý nghịch chí*” vẫn đang được các nhà nghiên cứu bàn luận. Theo Nguyễn Đình Phúc, về cơ bản có hai cách hiểu “*ý*” trong “*dĩ ý nghịch chí*”. Một cách hiểu cho rằng “*ý*” là của người đọc, tức là người đọc lấy ý của mình để truy ngược lại “*chí*” của tác giả. Cách hiểu thứ hai cho rằng, “*ý*” là ý của tác phẩm, là chủ đề của tác phẩm, người đọc đi từ việc nắm bắt ý, chủ đề của tác phẩm để truy ngược “*chí*” của tác giả³. Bài viết không bàn luận cách hiểu nào là chính xác, chỉ lấy tên của phương pháp phê bình này và dựa vào cách hiểu thứ hai để tìm hiểu phương pháp phê bình thơ của Phan Huy Chú.

Trong văn học trung đại Việt Nam, trước Phan Huy Chú, một số tác giả cũng đã có những phát biểu theo lối phê bình “*dĩ ý nghịch chí*”. Nguyễn Dữ khi bàn về thơ Nguyễn Trãi đã nói: “*... lời chín lẽ đạt, khiến cho làng phong nhã phải phục thì chỉ duy những bài thơ đầy lời trung ái của ông Nguyễn Ức Trai, lòng lúc nào cũng chẳng quên vua, có thể chen vào môn hộ của Đỗ Thiếu Lăng được*”⁴. Lê Hữu Kiều, trong bài tựa tập thơ *Tàng Chuyết*, đã khen thơ của Mai Doãn Thường là “*tứ thơ bay vào mây gió, lời thơ mở được núi non*”⁵. Ngô Thì Sĩ, khi bàn về thơ của một người họ Nguyễn trong *Mỹ Đình thi tập* cũng cho rằng: “*Thơ của ông hồn hậu, trán áp được lối phù phiếm; phong nhã thay được lối quê mùa, lạnh mạnh thêm khí thơ Đỗ Phủ, khơi sâu thêm nguồn thơ của Đào Tiềm...*”⁶.

Nghiên cứu những lời bình thơ của Phan Huy Chú, chúng tôi thấy có đến 7/50 lời bình thuộc phương pháp phê bình “*dĩ ý nghịch chí*” theo cách hiểu thứ hai. Tức là Phan Huy Chú đi từ tác phẩm, mà cụ thể là từ lời, ý, hứng của bài thơ, tập thơ để nói về “*chí*” của tác giả. “*Chí*” ở đây được Phan Huy Chú dùng

nhiều từ để thể hiện như: phong thái, ý thú, chí, khí cách, khí khái. Cụ thể qua những lời bình sau đây:

- Bài *Vịnh Phúc Hưng viên* của Chiêu Minh Vương Quang Khải: “*Lời thơ thanh thoát nhàn nhã, xem thơ có thể tưởng thấy phong thái của người*”

- Bài *Tạp hứng* của Chu An: “*Lời thơ nhàn nhã, tự nhiên, có thể tưởng thấy ý thú thanh cao của người ở ẩn*”

- Bài *Ngụ ý* của Nguyễn Bình Khiêm: “*Lời và ý đều nhẹ nhàng nhàn nhã, có thể thấy được chí không thích làm quan*”

- *Phùng công thi tập* của Phùng Khắc Khoan: “*Đại để lời thơ trong trẻo dồi dào, khí cách hùng hồn tao nhã*”

- *Tinh sà thi tập* của Nguyễn Công Hãng: “*Thơ đều trôi chảy, đáng đọc. Khí cách thanh nhã, thoát hẳn thói hủ gần đây*”

- *Tuyệt Trai thi tập* của Ngô Thì Ước: “*Hứng thú phóng khoáng của ông có phong thái cao thường*”

- *Dao đình sứ tập* của Hồ Sĩ Đống: “*Thơ cũng hồn hậu phong nhã và có khí khái*”

Những lời bình này tuy ngắn gọn nhưng đầy đủ về phong cách của mỗi nhà thơ. Phong cách đó không chỉ thể hiện ở lời thơ, mà quan trọng đã thể hiện được khí cách của nhà thơ. Đây là đóng góp quan trọng và hết sức quý báu của Phan Huy Chú đối với lĩnh vực phê bình văn học trung đại Việt Nam.

3. Phê bình so sánh

Trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc, phương pháp phê bình so sánh có từ thời Chung Vinh. Trong *Thi Phẩm*, bên cạnh các phương pháp phê bình như “*truy tìm nguồn gốc*” “*biết người luận đời*”, “*tâm chương trích cú*”⁷, ... Chung Vinh đã sử dụng phương pháp phê bình so sánh ở các phương diện: so sánh đánh giá cao thấp, so sánh sự giống và khác nhau, so sánh bằng hình tượng.

Trong lý luận, phê bình văn học trung đại Việt Nam, các tác giả ít sử dụng phương pháp phê bình so sánh hình tượng và so sánh đánh giá cao thấp mà chủ yếu dùng phương pháp so sánh tương đương (giống nhau). Tiêu biểu như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích,...

Lê Quý Đôn luôn tự hào về văn chương Đại Việt, khi ông so sánh: “*Nước ta từ khi xây dựng, văn minh không kém gì Trung Quốc... Đức Cao Hoàng trong lúc vội vàng trên yên ngựa mà sáng tác ba bài thơ có khí phách bao trùm một đời, thật sánh ngang với Hán Cao Tổ khi phát cờ gióng trống ở đất Bái Trung... Đức Thuần Hoàng cũng thích làm thơ, có đến hơn nghìn bài... Nay còn thấy trong tập thơ (của người), vẻ hào hùng cao xa, rõ ràng khí tượng của một bậc đế vương không kém gì phong cách tốt đẹp của thơ Phàn Thủy*”⁸.

Tương tự Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm so sánh và khẳng định: “*Nước Đại Việt ta lấy văn hiến giữ nước, thi ca thai nghén từ đời Lý, thịnh vượng ở đời Trần, dấy lên rầm rộ vào đời Hồng Đức, đời Lê. Một bộ Toàn Việt thi lục về cổ thể thì không nhường thi ca đời Hán, đời Tấn. Xét về cận thể thì không nhường thi ca các đời Đường, Tống, Nguyên, Minh nhả ngọc phun châu thật đáng gọi là một nước thơ*”⁹.

Phan Huy Ích thì so sánh: “*Nước ta, từ đời Lý, Trần về sau, đã có tiếng là một nước văn hiến. Những nhà văn giỏi trước sau rất nhiều không thể kể hết được, nhưng nhà văn nhiều đời nói nhau thì thực rất ít. Chỉ có nhà họ Ngô là văn mạch đã lâu dài, có lẽ cũng là họ Tô trên đất Việt Nam vậy*”¹⁰.

Trong lý luận, phê bình văn học trung đại Việt Nam, các tác giả trước Phan Huy Chú, đều có ý thức so sánh văn học Việt Nam so với Trung Quốc nhằm khẳng định giá trị và niềm tự hào đối với văn học Việt Nam. Phan Huy Chú cũng không ngoại lệ. Trong 50 lời bình về thơ của ông có đến bảy lời bình theo lối so sánh và chỉ so sánh với văn chương Trung Quốc. Trong bảy lời bình so sánh, có sáu lời bình so với thơ Đường nói chung và các nhà thơ đời Đường nói riêng, chỉ có một lần là so sánh với đời Nguyên. Nếu như Chung Vinh thường sử dụng phương pháp so sánh để đánh giá cao thấp thì Phan Huy Chú chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh tương đương. Ông đã so sánh, ca ngợi và xem thơ của Trần Thái Tông, Trần Minh Tông, Nguyễn Trung Ngạn, Vương Sư Bá, Ngô Thì Sĩ, Thái Thuận ngang với thơ Đường và các tác giả thơ Đường. Cụ thể các lời bình như sau:

Trần Thái Tông ngự tập của Trần Thái Tông: “*Các bài đều có phong vị thơ Đường*”

Minh Tông thi tập (Bài thơ *Bạch Đằng giang*) của Trần Minh Tông: “*Lời thơ hùng hồn. mạnh mẽ và phóng khoáng, không kém gì đời Thịnh Đường*”

Giới Hiên thi tập của Nguyễn Trung Ngạn: “*Thơ tứ tuyệt lại càng hay, không kém gì đời Thịnh Đường*”.... “*Lời thơ đều thanh nhã xinh đẹp, có phong thể như thơ của Long Tiêu, Cung Phụng*”

Nham Khê thi tập của Vương Sư Bá: “*Thơ chuông thể cách cuối Đường*”... “*Lời thơ xinh đẹp, tế nhị, dồi dào, đại để có phong cách họ Ôn, họ Lý*”

Anh ngôn thi tập và *Ngọ Phong văn tập* của Ngô Thì Sĩ: “*Cách điệu thơ bắt chước Bạch Cư Dị, đại để giản dị, chắc phác, chân thật. Đến khi tuổi già thơ lại càng bình dị*”

Lã đường di tập của Thái Thuận: “*Thơ phần nhiều thanh nhã, có phong cách đời cuối Đường*”

Trong bảy lời bình so sánh, chỉ duy nhất một lần Phan Huy Chú sử dụng phương pháp so sánh để đánh giá cao thấp là khi ông bình về thơ của Phạm Sư Mạnh. Ông đã đánh giá thơ Phạm Sư Mạnh cao hơn cả thơ đời Nguyên: “*Lời thơ đều có phong thái nhàn nhã, thực có thể hơn hẳn người Nguyên*” (bình bài *Lên lầu Hoàng Hạc viết luôn đưa cho người Nguyên* trong *Hiệp Thạch tập*).

Trong phương pháp so sánh đánh giá cao thấp, Chung Vinh sử dụng hai lối so sánh là so sánh ngang và so sánh dọc. So sánh ngang để phân biệt cao thấp, so sánh dọc chủ yếu để truy tìm nguồn gốc (*suy tố nguyên lưu*). Phê bình “*suy tố nguyên lưu*” được Chung Vinh sử dụng khá nhiều trong *Thi phẩm* và cũng là phương pháp được vận dụng phổ biến trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc. Đây là phương pháp mà người nghiên cứu sẽ xuất phát từ tác phẩm văn học cụ thể, rồi từ đó truy về cội rễ, nguồn gốc của tác phẩm đó. Phương pháp này còn gọi là phê bình lịch sử.

Các tác giả trước Phan Huy Chú cũng đã sử dụng phương pháp phê bình “*suy tố nguyên lưu*”. Nguyễn Dữ khi bàn về thơ Nguyễn Trãi, đã so sánh Ưc Trai với Đỗ Phủ và cho rằng Nguyễn Trãi có thể là môn hộ của Đỗ Phủ: “... *lời chín lẽ đạt, khiến cho làng phong nhã phải phục thì chỉ duy những bài thơ đầy lời trung ái của ông Nguyễn Ưc Trai, lòng lúc nào cũng chẳng quên vua, có thể chen vào môn hộ của Đỗ Thiếu Lăng được*”¹¹. Lê Quý Đôn một mặt đề cao niềm tự hào với văn học thời Lý - Trần, mặt khác cũng thấy được nguồn gốc cũng như sự ảnh hưởng từ văn học Đường - Tống: “*Nước Nam ta, hai triều nhà Lý, nhà Trần ngang vào khoảng triều nhà Tống, Nguyên. Lúc ấy tinh hoa nhân tài, cốt cách văn chương, không khác gì Trung Hoa..... Thấy văn chương đời Lý lối biên ngẫu bóng bẩy, đẹp đẽ giống thể văn đời Đường; văn đời Trần lưu loát, chỉnh tề, giống kiểu văn đời Tống*”¹².

Trở lại trường hợp Phan Huy Chú, từ những lời bình theo phương pháp so sánh như đã dẫn ở trên, có thể thấy, Phan Huy Chú đã kết hợp phương pháp phê bình “*suy tố nguyên lưu*”. Tức là Phan Huy Chú đi từ việc cảm nhận tác phẩm, ông đã nhận định về sự ảnh hưởng, nguồn gốc của tác phẩm đó. Phan Huy Chú cho rằng, thơ của Trần Thái Tông, Nguyễn Trung Ngạn, Vương Sư Bá, Ngô Thì Sĩ, Thái Thuận có sự ảnh hưởng và mang phong cách thơ Đường.

Qua những lời bình vừa mang tính so sánh vừa có dụng ý truy tìm nguồn gốc, Phan Huy Chú, một mặt đã xác định được phong cách độc đáo của các nhà thơ trung đại Việt Nam, mặt khác đã khẳng định niềm tự hào về giá trị lớn lao của nền văn học nước ta. Từ đó thể hiện quan niệm văn học trong việc làm rạng danh đất nước, tăng quốc thể và cao hơn còn thể hiện rõ bản lĩnh, lòng tự tôn dân tộc của ông cha ta trong quan hệ, ứng xử với Trung Quốc.

4. Phương pháp phê bình chỉ “bình” không “phê”

Khác với Trung Quốc, ở Việt Nam, lý luận, phê bình văn học nói chung rất ít lý thuyết, rất ít trường phái và ngôn luận không nhiều, lời lẽ ngôn luận không mấy gay gắt, như Lê Quý Đôn quan niệm: “*Văn chương là của chung thiên hạ, ý kiến mỗi người mỗi khác, phân tích thì được chứ không nên chê mắng*”¹³.

Với tinh thần như vậy, tất cả 50 lời bình của Phan Huy Chú đều là những lời bình, những lời đánh giá mang tính khen ngợi chứ không “phê”. Và cũng chính từ đó, qua những lời bình của mình, Phan Huy Chú đã thể hiện trực tiếp tình cảm của mình với những ngôn từ như “đáng ưa”, “khoái trá”, “thú vị”. Bình về hai bài thơ *Qua cửa Thần Phù* và *Qua chùa Yên Tử* trong *Giới Hiên thi tập* của Nguyễn Trung Ngạn, ông thể hiện sự yêu mến: “*Câu nào cũng khoái trá đáng ưa*”. Nhận xét về *Cúc Đường di thảo* của Trần Quang Triều, ông khen: “... *chỉ còn được mấy bài, đều là thanh thoát đáng ưa*”. Tương tự khi nói về *Kinh nghĩa chư văn tân tập* của Nguyễn Trục, ông cũng thể hiện sự ái mộ của mình: “*Lời và ý thanh nhã đáng ưa*”. Và đây, cũng là những nhận xét thể hiện sự yêu quý của Phan Huy Chú đối với các tác giả khác: Lê Thiếu Đình: “*Thơ chuộng giản dị, cổ kính, đáng ưa*” (*Tiết Trai tập*); Vũ Quỳnh: “*Lời thơ thanh thoát. Đáng khen là khoái trá*” (*Tố cảm tập*); Nguyễn Tông Quai: “*Lời đều điều luyện*

mới mẻ, đáng ưa” (*Sứ hoa tùng vịnh*); Đặng Trần Côn: “*Từ khí lâm ly mà siêu thoát, đọc rất thú vị*” (*Chinh phụ ngâm*).

Bên cạnh những lời phẩm bình thể hiện sự ưu ái, Phan Huy Chú còn thể hiện sự đánh giá cao của mình đối với một số tác giả. Trong số các tác giả được Phan Huy Chú bình luận, ông ca ngợi Nguyễn Trãi, Thái Thuận, Đoàn Nguyễn Thục, Đặng Minh Khiêm là những danh gia, danh bút, cụ thể qua những lời bình sau đây:

- *Ức Trai thi tập* của Nguyễn Trãi: “*Lời thơ đều ôn nhã trung hậu, là danh gia ở thời Lê sơ*”;

- *Lã đường di tập* của Thái Thuận: “*Phần nhiều các bài đều tinh tế, xinh đẹp, dồi dào, đáng là danh gia*”;

- *Đoàn hoàng giáp phụng sứ tập* của Đoàn Nguyễn Thục: “*Lời thơ phong nhã, rèn luyện, thanh tao, phóng khoáng*”... “*Tả cảnh hồn nhiên, nhẹ nhõm và siêu thoát, đáng gọi là danh gia*”;

- *Việt giám vịnh sử thi* của Đặng Minh Khiêm: “*Đầu sách có phạm lệ 13 điều; những chỗ khen, chê, bỏ, lấy, đều có ý sâu xa, đáng gọi là danh bút*”.

Kết luận

Từ những phương pháp phê bình của Phan Huy Chú như đã bàn ở trên, chúng ta thấy rằng phương pháp phê bình thơ của ông khá đa dạng, mang tính tổng hợp và chịu ảnh hưởng từ phương pháp phê bình văn học cổ Trung Quốc và một số tác giả văn học trung đại Việt Nam.

Sự đa dạng trong phương pháp phê bình của Phan Huy Chú thể hiện ở việc ông sử dụng nhiều phương pháp phê bình như phê bình “*ý tượng*”, phê bình “*dĩ ý nghịch chí*”, phê bình so sánh, phê bình “*suy tố nguyên lưu*”,... Trong đó phương pháp phê bình “*ý tượng*” đóng vai trò chủ đạo. Đây là phương pháp phê bình rất tinh tường, ý vị, nhờ vậy giúp cho người đọc cảm thụ được cái hay, cái đẹp của nghệ thuật, của tư tưởng tình cảm trong từng tác phẩm mà người viết muốn biểu lộ. Đặc biệt hơn nữa, Phan Huy Chú chỉ bằng vài ba dòng, thậm chí đôi ba chữ đã có thể chỉ rõ cho người đọc thấy được sự khác nhau về phong cách nghệ thuật của từng tác giả mà ông bàn đến.

Tính tổng hợp trong phương pháp phê bình của Phan Huy Chú thể hiện ở việc ông vừa dùng nhiều phương pháp phê bình và trong mỗi lời phê bình lại chứa đựng nhiều phương pháp. Ví dụ khi bình về *Chuyết Am văn tập* của Lý Tử Tấn, ông nói: “*Thơ chuộng giản dị, phần nhiều có ý thơ cổ*”. Lời bình này vừa là phê bình “*ý tượng*” vừa là phê bình “*suy tố nguyên lưu*”. Hay khi bình về bài *vịnh Phúc Hưng viên* của Chiêu Minh Vương Quang Khải, ông viết: “*Lời thơ thanh thoát nhàn nhã, xem thơ có thể tưởng thấy phong thái của người*”. Lời bình này cũng là phê bình “*ý tượng*”, nhưng đồng thời mang nét phê bình “*dĩ ý nghịch chí*”.

Tính tổng hợp trong phương pháp phê bình thơ của Phan Huy Chú còn thể hiện ở phương diện tư tưởng. Phương pháp phê bình của Phan Huy Chú vừa mang khuynh hướng Thiên-Lão (phê bình “*ý tượng*”), vừa chịu ảnh hưởng của Nho giáo (phê bình “*dĩ ý nghịch chí*” và “*suy tố nguyên lưu*”). Đây là vấn đề không riêng gì ở trường hợp Phan Huy Chú. Ở Trung Quốc nhiều tác giả như

Chung Vinh, Lưu Hiệp, Âu Dương Tu, Tô Đông Pha, Nghiêm Vũ, Viên Mai,... và ở Việt Nam các tác giả như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm, Miên Trinh,..., trong lý luận đều có tư tưởng Nho - Phật - Lão.

Nền văn học trung đại Việt Nam, vì nhiều lý do, mảng lý luận, phê bình còn khiêm tốn, nhỏ hẹp kể cả trước tác lý luận và tác giả. Trong bối cảnh đó, những lời bình của Phan Huy Chú thật đáng trân quý và cần được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn nữa để thấy hết những giá trị của nó mang lại không chỉ cho văn học trung đại mà cả văn học ngày nay. Bởi lẽ, *Văn tịch chí* ra đời gần 200 năm, nhưng những lời bình của Phan Huy Chú đối với các tập thơ, bài thơ của các tác gia thời trung đại, về cơ bản, không khác gì nhiều so với nhận định của các nhà nghiên cứu ngày nay. Nếu như một số nhà nghiên cứu cho rằng Lê Quý Đôn là “nhà lý luận văn học”¹⁴ đầu tiên và duy nhất trong văn học trung đại Việt Nam thì cũng có thể khẳng định Phan Huy Chú là “nhà phê bình văn học” xuất sắc và hiếm thấy trong văn học trung đại Việt Nam.

¹ Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr 405.

² Nguyễn Đình Phúc (2013), *Thi pháp thơ Đường*, Nxb ĐHQG TP HCM, tr 85.

³ Nguyễn Đình Phúc (2013), *Thi pháp thơ Đường*, Nxb ĐHQG TP HCM, tr 71.

⁴ Nguyễn Minh Tấn (1981) (chủ biên), *Từ trong di sản...*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, tr 43.

⁵ Nguyễn Minh Tấn (1981) (chủ biên), *Từ trong di sản...*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, tr 57.

⁶ Nguyễn Minh Tấn (1981) (chủ biên), *Từ trong di sản...*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, tr 64.

⁷ Chung Vinh, Thi phẩm (2014) (Nguyễn Văn Thiệu dịch và giới thiệu), Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr 329-355.

⁸ Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn (2007) (sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu), *Mười thế kỷ bàn luận về văn chương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr 85.

⁹ Nguyễn Minh Tấn (1981) (chủ biên), *Từ trong di sản...*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, tr 76.

¹⁰ Nguyễn Minh Tấn (1981) (chủ biên), *Từ trong di sản...*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, tr 82.

¹¹ Nguyễn Minh Tấn (1981) (chủ biên), *Từ trong di sản...*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, tr 43.

¹² Nguyễn Minh Tấn (1981) (chủ biên), *Từ trong di sản...*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, tr 96.

¹³ Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn (2007) (sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu), *Mười thế kỷ bàn luận về văn chương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr 109.

¹⁴ Trịnh Bá Đĩnh (2013) (chủ biên), *Lịch sử lý luận, phê bình văn học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.